

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: (84) 08 38305002
- Fax: (84) 08 38350983
- Website: www.sachhoctro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2016 là 82 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Phạm Văn Hồng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015 |
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 15/07/2015 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Nguyễn Minh Khang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Hoàng Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đặng Thanh Trúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |
| • Ông Lê Xuân Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/04/2012 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/12/2014 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Ngô Trần Nha Thy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Lê Phương Mai | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 812/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 12/08/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

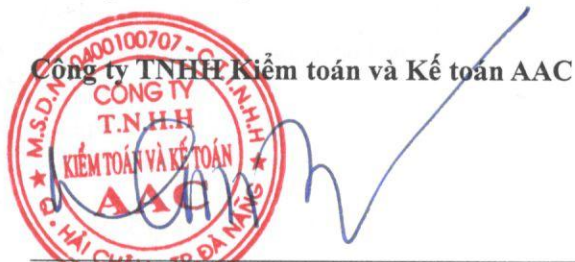
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.005.668.577	177.388.957.253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		52.894.224.809	32.711.841.058
1. Tiền	111	5	12.348.224.809	16.505.498.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.546.000.000	16.206.343.013
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.284.255.650	37.865.127.901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.068.144.764	37.549.700.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.539.262.634	924.850.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	168.079.885	585.806.656
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.491.231.633)	(1.195.229.632)
IV. Hàng tồn kho	140	10	145.434.020.968	93.890.216.803
1. Hàng tồn kho	141		146.014.958.424	94.084.000.719
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(580.937.456)	(193.783.916)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.393.167.150	12.921.771.491
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	9.741.434.475	12.554.235.453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		482.045.455	367.536.038
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16b	169.687.220	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.117.192.194	63.550.866.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.453.118.698	26.450.818.698
1. Phải thu dài hạn khác	216	8b	26.453.118.698	26.450.818.698
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.846.073.496	5.106.227.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.846.073.496	5.106.227.743
- Nguyên giá	222		14.968.798.464	9.669.338.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.122.724.968)	(4.563.111.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	770.000.000	31.310.390.256
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	38.108.680.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	770.000.000	770.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(7.568.289.744)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.000.000	683.430.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	48.000.000	683.430.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		344.122.860.771	240.939.823.950

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kà Thiên Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		161.667.519.150	84.085.318.115
I. Nợ ngắn hạn	310		161.667.519.150	84.085.318.115
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	50.497.978.486	28.269.763.291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	12.881.061.276	2.069.046.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16a	5.855.601.682	1.390.285.946
4. Phải trả người lao động	314		9.835.657.959	1.750.595.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18.894.247.908	85.945.427
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	509.958.077	16.304.421.284
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	58.051.027.431	25.407.157.043
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.141.986.331	8.808.102.331
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.455.341.621	156.854.505.835
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	182.455.341.621	156.854.505.835
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	55.039.553.352	55.039.553.352
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	25.600.835.786	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.600.835.786	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		344.122.860.771	240.939.823.950



Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	279.977.362.311	251.740.193.084
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.844.907.280	720.883.975
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		278.132.455.031	251.019.309.109
4. Giá vốn hàng bán	11	23	204.087.736.159	196.546.039.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>74.044.718.872</u>	<u>54.473.269.539</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.407.889.968	589.864.494
7. Chi phí tài chính	22	25	(3.045.374.394)	4.048.799.875
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.437.222.555	1.540.070.218
8. Chi phí bán hàng	25	26a	27.963.111.158	16.100.852.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	19.291.507.708	10.218.433.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>33.243.364.368</u>	<u>24.695.048.725</u>
11. Thu nhập khác	31		-	4.090.909
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	4.090.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>33.243.364.368</u>	<u>24.699.139.634</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	7.642.528.582	5.550.212.680
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>25.600.835.786</u>	<u>19.148.926.954</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.176	1.946
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.176	1.946



Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết số	minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	21		227.426.025.534	218.311.922.811
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02			(204.799.505.879)	(181.763.420.127)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			(8.149.329.872)	(9.144.920.037)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25		(1.407.967.349)	(1.531.532.045)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16		(2.381.545.674)	(1.478.734.453)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			4.790.262.805	1.953.493.360
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			(48.156.536.624)	(6.880.027.436)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			(32.678.597.059)	19.466.782.073
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12		(5.299.459.546)	(313.543.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	13		40.837.716.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24		678.853.968	589.864.494
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			36.217.110.422	276.321.494
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31			-	19.928.500.000
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32			-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	19		135.805.256.014	79.723.156.599
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	19		(103.161.385.626)	(103.359.351.579)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(16.000.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			16.643.870.388	(15.707.694.980)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50			20.182.383.751	4.035.408.587
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			32.711.841.058	11.961.577.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70			52.894.224.809	15.996.985.736



Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hay gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	519.952.397	551.382.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.828.272.412	15.954.115.330
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	40.546.000.000	16.206.343.013
Cộng	52.894.224.809	32.711.841.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	11.803.091.352	1.672.557.462
Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh	11.577.045.026	-
Các đối tượng khác	75.688.008.386	35.877.143.415
Cộng	99.068.144.764	37.549.700.877

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	Công ty đầu tư	1.369.301.735	1.191.201.735
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	273.043.840	548.285
Công ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	115.896.905	68.532.359
Công ty CP Sách - TBTH TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	4.430.463.949	-
Công ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	11.577.045.026	-
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Chung công ty đầu tư	8.748.180	-
Công ty CP Sách- TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	1.356.499.171	682.072.450
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	872.437.742	229.821.727
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đồng Tháp	Công ty liên kết	298.993.020	77.847.526
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Công ty liên kết	310.423.277	208.685.839
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	4.642.200
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư	-	12.747.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	277.324.586	115.467.482
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư	-	123.539.000
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	-	71.782.500
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	119.108.800	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	2.665.808.110	-
Công ty CP Sách và Thiết bị GD Bình Dương	Chung công ty đầu tư	5.228.918.061	1.349.813.963
Cộng		28.596.271.202	4.058.854.540

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH SX TM&DV Vạn An	604.602.634	-
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	778.500.000	782.500.000
CTY TNHH Ô tô Toyota Samco	-	109.350.000
Các đối tượng khác	156.160.000	33.000.000
Cộng	1.539.262.634	924.850.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Trữ trước cho người bán là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	778.500.000	782.500.000
Cộng	778.500.000	782.500.000

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLD	-	-	585.806.656	-
Tam ứng	168.079.885	-	-	-
Cộng	168.079.885	-	585.806.656	-

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam (*)	4.100.000.000	4.100.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh (**)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	130.748.800	128.448.800
Cộng	26.453.118.698	26.450.818.698

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chờ hoạt động xuất bản sách Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

(**) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng góp vốn 03/HĐGVĐT-2011 ngày 29/08/2011. Tổng giá trị quyết toán của công trình là: 49.383.044.219 đồng, trong đó, Công ty đóng góp 45%, tương đương: 22.222.369.898 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	1.491.231.633	1.195.229.632
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	306.148.984	11.408.131
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	314.849.547	376.364.826
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	150.959.922	108.490.159
- Từ 3 năm trở lên	719.273.181	698.966.516
Cộng	<u>1.491.231.633</u>	<u>1.195.229.632</u>

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.842.152.993	-	29.486.247.676	-
Chi phí SX, KD dở dang	14.613.477.374	-	17.991.115.675	-
Thành phẩm	65.692.766.920	580.937.456	33.114.953.084	193.783.916
Hàng hóa	40.866.561.137	-	13.491.684.284	-
Cộng	<u>146.014.958.424</u>	<u>580.937.456</u>	<u>94.084.000.719</u>	<u>193.783.916</u>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2016 là 694.070.100 đồng.

Không có giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2016.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	3.126.598.147	4.809.388.389
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách hỗ trợ	6.614.836.328	7.744.847.064
Cộng	<u>9.741.434.475</u>	<u>12.554.235.453</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí tổ chức bản thảo	48.000.000	683.430.000
Cộng	48.000.000	683.430.000

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	4.255.140.198	647.275.200	4.486.387.211	280.536.309	9.669.338.918
Mua sắm trong kỳ	-	-	5.299.459.546	-	5.299.459.546
Đ/tr XDCB h/thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.255.140.198	647.275.200	9.785.846.757	280.536.309	14.968.798.464
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.129.755.172	345.213.440	2.807.606.254	280.536.309	4.563.111.175
Khấu hao trong kỳ	425.514.019	129.455.040	1.004.644.734	-	1.559.613.793
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.555.269.191	474.668.480	3.812.250.988	280.536.309	6.122.724.968
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	3.125.385.026	302.061.760	1.678.780.957	-	5.106.227.743
Số cuối kỳ	2.699.871.007	172.606.720	5.973.595.769	-	8.846.073.496

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 1.602.869.837 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc phòng	Giá gốc phòng	Dự phòng
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết - Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (44,2% VDL) (*)	Đang hoạt động		-	38.108.680.000	7.568.289.744	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (**)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	770.000.000	-
Cộng				770.000.000	38.878.680.000	7.568.289.744

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng Cổ phần ngày 07/03/2016, Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (tương ứng 1.512.508 cổ phần chiếm tỷ lệ 44,2% vốn điều lệ) cho Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản Bến Thành. Giá chuyển nhượng một cổ phần là 27.000 đồng tương ứng tổng giá trị chuyển nhượng là 40.837.716.000 đồng.

(**) Do Cổ phiếu của các Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối niên kế toán. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	8.274.316.401	10.536.264.226
Công ty CP giấy Phùng Vĩnh Hưng	-	9.628.493.349
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	15.397.878.884	-
Phải trả cho các đối tượng khác	26.825.783.201	8.105.005.716
Cộng	50.497.978.486	28.269.763.291

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam tại TP.HCM	Chung công ty đầu tư	8.274.316.401	10.536.264.226
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	254.080.372	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	2.563.713.200	1.874.616.144
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty đầu tư	2.882.907.376	792.392.339
Công Ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Công ty đầu tư	455.268.962	-
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Công ty đầu tư	2.672.240.001	-
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Công ty liên kết	15.397.878.884	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	1.691.703.867	13.410.973
Cộng		34.192.109.063	13.216.683.682

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	1.019.230.826	462.917.710
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	4.440.730.513	801.630.852
Phòng Giáo dục và Đào tạo Bình Đại - Bến Tre	14.043.586	216.768.394
Công ty TNHH MTV Sách - TBTH Tỉnh Đắk Nông	2.621.827.873	1.394.808
Cửa hàng 231 Nguyễn Văn Cừ	-	320.429.657
Công ty CP Sách - Thiết Bị Trường Học Lâm Đồng	2.889.882.483	-
Đối tượng khác	1.895.345.995	265.905.465
Cộng	12.881.061.276	2.069.046.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	(367.536.038)	931.925.639	483.400.139	80.989.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp	513.629.312	7.642.528.582	2.381.545.674	5.774.612.220
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	146.093.274	8.577.454.221	2.867.945.813	5.855.601.682

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế Thu nhập cá nhân	(876.656.634)	687.494.777	1.733.838.631	169.687.220
Cộng	(876.656.634)	687.494.777	1.733.838.631	169.687.220

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.222.449.135	-
Chi phí bản quyền sách tiếng anh	1.166.641.480	-
Chi phí lãi vay	115.200.633	85.945.427
Hoa hồng sách tham khảo	7.356.233.381	-
Chi phí vận chuyển	1.559.388.804	-
Chi phí thuê văn phòng, tiền điện, nước	700.000.000	-
Chi phí tập huấn sử dụng sách	2.825.000.000	-
Chi phí phải trả khác	3.949.334.475	-
Cộng	18.894.247.908	85.945.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	209.648.356	244.421.284
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.000.000	60.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	16.000.000.000
Phải trả khác	240.309.721	-
Cộng	509.958.077	16.304.421.284

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	25.407.157.043	135.805.256.014	103.161.385.626	58.051.027.431
Ngân hàng HSBC	19.407.157.043	97.632.527.163	85.896.924.695	31.142.759.511
Ngân hàng VCB	-	11.264.460.931	11.264.460.931	-
Ngân hàng Standard Chartered	6.000.000.000	26.908.267.920	6.000.000.000	26.908.267.920
Cộng	25.407.157.043	135.805.256.014	103.161.385.626	58.051.027.431

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	80.000.000.000	-	42.504.399.588	1.886.452.483	3.219.290.762
Tăng trong năm	20.000.000.000	-	12.535.153.764	-	29.783.368.238
Giảm trong năm	-	71.500.000	-	-	33.002.659.000
Số dư tại 31/12/2015	100.000.000.000	(71.500.000)	55.039.553.352	1.886.452.483	-
Số dư tại 01/01/2016	100.000.000.000	(71.500.000)	55.039.553.352	1.886.452.483	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	25.600.835.786
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	100.000.000.000	(71.500.000)	55.039.553.352	1.886.452.483	25.600.835.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các cổ đông	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	-	3.219.290.762
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	25.600.835.786	29.783.368.238
Phân phối lợi nhuận	-	33.002.659.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	3.219.290.762
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.219.290.762
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	29.783.368.238
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	9.315.863.002
- Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	4.467.505.236
- Chia cổ tức cho cổ đông	-	16.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.600.835.786	-

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 506/NQ ngày 31/12/2014 của Hội đồng quản trị và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 55/NQ-ĐHCD ngày 06/02/2015.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận (trả cổ tức) năm 2015 theo Nghị quyết số 451/NQ ngày 10/12/2015 và Nghị quyết số 490/NQ-ĐHCD ngày 31/12/2015 của Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa	4.342.541.941	6.966.544.445
Doanh thu sách bổ trợ	177.366.364.938	156.959.901.878
Doanh thu sách tham khảo	40.557.857.878	30.415.401.164
Doanh thu thiết bị giáo dục	720.801.979	271.550.474
Doanh thu khác (bán giấy)	27.801.210.933	57.126.795.123
Sách VNEN	29.188.584.642	-
Cộng	279.977.362.311	251.740.193.084

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu Năm 2016	6 tháng đầu Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	1.844.907.280	720.883.975
Cộng	1.844.907.280	720.883.975

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	4.285.077.555	6.602.280.693
Giá vốn sách bổ trợ	123.703.631.967	114.443.128.310
Giá vốn sách tham khảo	27.171.029.033	18.375.610.141
Giá vốn thiết bị giáo dục	592.290.472	216.373.769
Giá vốn sản phẩm khác	27.350.201.035	56.006.052.240
Giá vốn sách VNEN	20.598.352.557	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	387.153.540	902.594.417
Cộng	204.087.736.159	196.546.039.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	586.453.968	43.712.094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	546.152.400
Thu nhập bán cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	2.729.036.000	-
Cộng	3.407.889.968	589.864.494

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí lãi vay	1.437.222.555	1.540.070.218
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.085.692.795	2.508.729.657
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(7.568.289.744)	-
Cộng	(3.045.374.394)	4.048.799.875

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí vận chuyển	2.829.017.806	2.308.544.608
Tiền lương	9.640.575.667	6.423.996.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.149.424	500.422.868
Chi phí hoa hồng	7.850.084.355	4.031.006.782
Chi phí tập huấn	3.144.986.278	467.563.028
Các khoản khác	3.874.297.628	2.369.318.733
Cộng	27.963.111.158	16.100.852.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	6.981.106.517	3.961.366.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	935.464.369	354.420.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.061.828.864	2.567.704.475
Các khoản khác	7.313.107.958	3.334.941.600
Cộng	19.291.507.708	10.218.433.184

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.243.364.368	24.699.139.634
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(3.201.737.527)	529.099.822
Điều chỉnh tăng	1.455.148.678	1.075.252.222
- Chi phí không hợp lệ	893.627.272	1.075.252.222
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	140.915.354	-
- Chi phí phạt thuế	420.606.052	-
Điều chỉnh giảm	4.656.886.205	546.152.400
- Cổ tức lợi nhuận được chia	92.400.000	546.152.400
- Giảm thu nhập do CQ thuế đã tính thuế TNDN năm trước	4.564.486.205	-
Tổng thu nhập chịu thuế	30.041.626.841	25.228.239.456
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.642.528.582	5.550.212.680
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	6.008.325.368	5.550.212.680
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.634.203.214	-

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.600.835.786	19.148.926.954
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.840.125.368)	(2.872.339.043)
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	3.840.125.368	2.872.339.043
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.760.710.418	16.276.587.911
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	8.364.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.176	1.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.571.541.283	91.758.242.391
Chi phí nhân công	100.129.738.198	10.204.609.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.559.613.793	854.843.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.300.406.990	71.969.927.299
Chi phí khác bằng tiền	22.182.476.219	7.725.354.928
Cộng	212.743.776.483	182.512.976.980

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, các mặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục thường có giá cả ổn định, ít biến động nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	50.497.978.486	-	50.497.978.486
Chi phí phải trả	18.894.247.908	-	18.894.247.908
Vay và nợ thuê tài chính	58.051.027.431	-	58.051.027.431
Phải trả khác	300.309.721	-	300.309.721
Cộng	127.743.563.546	-	127.743.563.546

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.269.763.291	-	28.269.763.291
Chi phí phải trả	85.945.427	-	85.945.427
Vay và nợ thuê tài chính	25.407.157.043	-	25.407.157.043
Phải trả khác	16.060.000.000	-	16.060.000.000
Cộng	69.822.865.761	-	69.822.865.761

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.894.224.809	-	52.894.224.809
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	97.576.913.131	-	97.576.913.131
Phải thu khác	168.079.885	26.453.118.698	26.621.198.583
Cộng	150.639.217.825	27.223.118.698	177.862.336.523
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.711.841.058	-	32.711.841.058
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	36.354.471.245	-	36.354.471.245
Phải thu khác	-	26.450.818.698	26.450.818.698
Cộng	69.066.312.303	27.220.818.698	96.287.131.001

10/10/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Day nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Công ty liên kết
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Tp Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

02/...
 3/...
 4/...
 5/...
 6/...
 7/...
 8/...
 9/...
 P.Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015	
Bán hàng			
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	178.100.000	16.436.855
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	4.160.754.348	4.720.975.631
Công ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	8.163.909.670	5.240.287.070
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	8.733.403.735	4.517.558.977
Công ty CP Sách - TB Trường Học TP. HCM	Cung ứng lịch, STK	26.566.012.918	18.868.712.405
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Cung ứng lịch, STK	9.542.897.845	8.092.725.295
Công ty CP Sách - TB Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	10.957.305.216	6.113.355.115
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	3.483.707.850	2.911.521.070
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	121.464.350	3.195.938.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	-	10.037.160.912
Công ty CP Đầu Tư Và Xuất Bản Giáo Dục	Cung ứng lịch, STK	-	263.807.500
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	-	1.238.300
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà nội	Cung ứng lịch, STK	-	97.493.000
Công Ty Cổ Phần Học liệu	Cung ứng lịch, STK	1.427.019.106	1.450.818.493
Công ty CP Sách và Thiết Bị GD Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	1.457.187.443	2.074.361.422
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	-	997.500
CN tại Tp. HCM- Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng lịch, STK	-	175.964.250
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	1.893.451.949	3.005.469.045
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	3.021.730.286	3.058.550.991
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Cung ứng lịch, STK	-	4.975.000.398
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng lịch, STK	-	-
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng lịch, STK	12.803.652.062	-
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi phí tổ chức bán thảo	21.066.431.916	909.091
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Mua SGK, STK	3.382.907.376	3.464.055.709
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua SGK, STK	5.114.588.396	11.191.094.451
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	9.090.056.030	8.246.546.245
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua SGK, STK	-	79.264.105
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Mua SGK, STK	4.290.945.981	5.175.479.334
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua giấy, tem	-	9.112.000
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Chi phí tổ chức bán thảo	5.235.327.360	1.561.549.286
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	5.884.160.000	624.000.000
Công ty CP ĐT & PTGD Đà Nẵng	Mua sách hỗ trợ, STK	-	604.596.880
Công ty CP ĐT & PTGD Hà Nội	Chi phí tổ chức bán thảo	2.259.194.940	1.087.361.321
	Mua sách tham khảo	-	492.270.100
	Phí xuất bản	18.267.572.175	8.913.637.032
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	-	27.392.300
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Mua SGK, STK	-	3.115.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	Mua SGK, STK	-	30.600.000
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo Dục	Mua SGK, STK	-	16.579.817
Công ty CP Sách Và TB Trường Học Tiền Giang	Mua SGK, STK	-	109.447.200
Công ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	5.831.910.071	-
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc			
	Tiền lương của BTGD	1.172.392.000	848.429.000
	Tiền thưởng của HĐQT	270.000.000	362.955.555
	Tiền thù lao của HĐQT	216.000.000	441.600.000

HÀNG SÁCH GIÁO DỤC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Lê Phương Mai

Người lập

Phạm Lan Anh